ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG VĂN AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 286 /QĐ - UBND	*Văn An, ngày 31 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2022

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VĂN AN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung luật tổ chức chính phủ, luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị củaVăn phòng HĐND-UBND và Kế toán, ngân sách phường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2022 của phường Văn An- Chí Linh- Hải Dương *(theo các biểu đính kèm)*.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng HĐND - UBND phường, Kế toán, ngân sách phường có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND TP Chí Linh; (để b/c)
- Phòng Tài chính - Kế hoạch TP; (để b/c)
- Thường trực Đảng ủy, HĐND phường;
- MTTQ, các ban, ngành, đoàn thể ở phường;
- Lưu VP HĐND – UBND; KTNS phường.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG VĂN AN TP CHÍ LINH T. HẢI DƯƠNG

Đỗ Đức Phu

ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG VĂN AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biên Bản V/v kết thúc niêm yết công khai Tài sản công phường Văn An năm 2022

Hôm nay, vào hồi 8h ngày 03/02/2023. tại: UBND phường Văn An

Căn cứ Quyết định số: 286/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 về việc công khai tình hình sử dụng tài sản công phường Văn An năm 2022.

I.Thành phần :

1. Ông: Đỗ Đức Phu- Chủ tịch UBND phường Văn An

2. Bà: Nguyễn Hồng Nhung- CC tài chính –kế toán phường

3. Bà: Đỗ Hương Tuyết- CC VP HĐND-UBND phường

II.Nội Dung:

Lập biên bản về việc kết thúc niêm yết công khai quyết định, biểu mẫu công khai tình hình sử dụng tài sản công phường Văn An năm 2022.

Thời gian niêm yết từ: ngày 01/01/2023.

Thời gian kết thúc niêm yết: 02/02/2022.

Địa điểm niêm yết: Trụ sở UBND phường Văn An

Hết thời gian niêm yết trên, UBND phường Văn An không nhận được ý kiến phản hồi nào liên quan đến việc thực hiện sử dụng tài sản công năm 2022.

Biên bản lập xong hồi 8 giờ 30 phút ngày 03/02/2022, lập thành 03 bản.

CC tài chính- kế toán	**CC VP HĐND-UBND**	**TM.UBND PHƯỜNG**
Nguyễn Hồng Nhung	Đỗ Hương Tuyết	**CHỦ TỊCH** **ĐỖ ĐỨC PHU**

ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG VĂN AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biên Bản V/v niêm yết công khai
Tài sản công phường Văn An năm 2022

Hôm nay, vào hồi 8h ngày 01/01/2023. tại: UBND phường Văn An

Căn cứ Quyết định số: 286/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 về việc công khai tình hình sử dụng tài sản công phường Văn An năm 2022.

I.Thành phần :

1. Ông: Đỗ Đức Phu- Chủ tịch UBND phường Văn An

2. Bà: Nguyễn Hồng Nhung- CC tài chính –kế toán phường

3. Bà: Đỗ Hương Tuyết- CC VP HĐND-UBND phường

II.Nội Dung:

Lập biên bản về việc niêm yết công khai quyết định, biểu mẫu công khai tình hình sử dụng tài sản công phường Văn An năm 2022.

Thời gian niêm yết từ: ngày 01/01/2023.

Thời gian kết thúc niêm yết: 02/02/2023.

Địa điểm niêm yết: Trụ sở UBND phường Văn An

Biên bản lập xong hồi 8 giờ 30 phút ngày 01/01/2023, lập thành 03 bản.

CC tài chính- kế toán	**CC VP HĐND-UBND**	**TM.UBND PHƯỜNG**
Nguyễn Hồng Nhung	Đỗ Hương Tuyết	CHỦ TỊCH ĐỖ ĐỨC PHU

Bộ, tỉnh: Tỉnh Hải Dương
Cơ quan quản lý cấp trên: T28
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND phường Văn An
Mã đơn vị: T28290023
Loại hình đơn vị: Cơ quan hành chính

Mẫu số: 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (Người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (Nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN	Được để lại đơn vị	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	**Đầu tư xây dựng, mua sắm**												
1	**Trụ sở làm việc/ Cơ sở hoạt động sự nghiệp**												
1	Đất trụ sở công an	m2	1				2.000.000.000						
2	Đất trường Tiểu học Văn an	m2	1										
3	Đất nhà văn Hóa Kiệt Đông	m2	1				847.500.000						
4	Đất nhà văn Hóa KDC Kiệt Thượng	m2	1				990.000.000						

5	Đất nhà văn hóa KDC Kiệt Đoài	m2	1				568.000.000						
6	Đất nhà văn hóa KDC Kinh Trung	m2	1				221.000.000						
7	Nhà văn hóa Thôn Tường	m2	1				1.756.800.000						
8	Đất trường Mầm Non Văn an	m2	1				3.000.000.000						
9	Đất trường Mầm Non Văn An cơ sở Trại Thượng	m2	1				8.000.000.000						
10	Đất trụ sở Công an	m2	1										
11	Đất trường Trung học cơ sở Văn An	m2	1										
12	Sân vận động	m2	1				2.359.600.000						
13	Đất Nhà văn hóa Trại Sen	m2	1				2.114.400.000						
14	Đất trụ sở UBND phường	m2	1				1.774.500.000						
15	Đất nhà văn hóa KDC Núi Đã cũ	m2	1				527.500.000						
16	Đất nhà văn hóa KDC Kỳ Đặc	m2	1				2.105.500.000						
17	Đất nhà văn hóa KDC Trại Mới cũ	m2	1				1.003.200.000						
18	Đất nhà văn hóa KDC Trại Thượng	m2	1				5.824.000.000						
19	Đất nhà văn hóa KDC Hữu Lộc	m2	1				1.406.400.000						
20	Nhà văn hóa Hữu Lộc	m2	1										
21	Nhà Văn hóa KDC Kiệt Thượng	m2	1			1996	160.000.000						
22	Nhà văn hóa Hữu Lộc	m2	1			2006							
23	Nhà Văn hóa KDC Trại Sen	m2	1			1996	160.000.000						

24	Nhà văn hóa Kiệt Đông	m2	1			1996	160.000.000						
25	Nhà văn hóa Kỳ Đặc	m2	1			1996	160.000.000						
26	Nhà Văn hóa KDC Kinh Trung	m2	1			1996	50.000.000						
27	Nhà văn hóa Hữu Lộc	m2	1			1996	160.000.000						
28	Nhà văn hóa Núi Đã cũ	m2	1			1996	50.000.000						
29	Nhà văn hóa Trại Mới cũ	m2	1			1996	98.500.000						
30	Nhà văn hóa KDC Trại Thượng	m2	1			1996	160.000.000						
31	Nhà Văn hóa KDC Kiệt Đoài	m2	1			1996	160.000.000						
32	Nhà văn hóa KDC Tường	m2	1			1996	160.000.000						
33	Trụ sở công an phường Văn An	m2	1			2017	5.121.869.000						
34	Các hạng mục phụ trợ trụ sở công an phường Văn an	m2	1			2022	2.195.988.000						
35	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường Trung học cơ sở Văn An	m2	1			2021	7.366.258.000						
36	Cải tạo nhà hiệu bộ 2 tầng, xây dựng sân+ vườn và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Văn an	m2	1			2022	5.897.286.000						
3	**Tài sản cố định khác**												
1	Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước KDC Hữu Lộc, phường Văn An, đoạn từ nhà ông Tác đến cổng ông Xuất	chiếc	1		Việt Nam	2021							

2	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa các KDC phường Văn An	chiếc	1		Việt Nam	2020							
3	Cải tạo nâng cấp nhà vệ sinh trường THCS Văn An	chiếc	1		Việt Nam	2015							
4	Xây dựng mương tiêu thoát nước xung quanh 02 nhà trường tại KDC Kiệt Đoài	chiếc	1		Việt Nam	2021							
5	Cải tạo nâng cấp sân và 02 phòng vệ sinh trường Mầm Non Văn An	chiếc	1		Việt Nam	2021							
6	Cải tạo, sửa chữa nhà hiệu bộ trường tiểu học Văn An	chiếc	1		Việt Nam	2014							
7	Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước KDC Trại Thượng,phường Văn An, TP Chí Linh	chiếc	1		Việt Nam	2021							
8	Cải tạo khuôn viên trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND phường Văn An	chiếc	1		Việt Nam	2019							

, ngày .31 tháng 12 năm .2022

NGƯỜI LẬP BIỂU
(*Ký, họ tên*)

Nguyễn Hồng Nhung

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(*Ký, họ tên và đóng dấu*)

CHỦ TỊCH
ĐỖ ĐỨC PHU

Bộ, tỉnh:
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản:
Mã đơn vị:
Loại hình đơn vị:

Mẫu số: 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
NĂM

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp: Không kinh doanh	Hoạt động sự nghiệp: Kinh doanh	Hoạt động sự nghiệp: Cho thuê	Hoạt động sự nghiệp: Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp: Không kinh doanh	Hoạt động sự nghiệp: Kinh doanh	Hoạt động sự nghiệp: Cho thuê	Hoạt động sự nghiệp: Liên doanh, liên kết	Hoạt động sự nghiệp: Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Trụ sở công an phường Văn An									2017	324	5.121.869	4.712.119	324							
2	Các hạng mục phụ trợ trụ sở công an phường Văn an									2022	1.943	2.195.988	1.903.043							1.943	
	Đất trường Tiểu học Văn an	**9.000**	**6.000.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**												
3	Nhà ăn bán trú và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Văn An									2019	160	1.801.416	1.200.644							160	
4	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường tiểu học Văn An									2019	640	3.405.174	2.724.139							640	
5	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu Học Văn An									2018	360	5.426.068	4.340.854	360							
6	Cải tạo nhà hiệu bộ 2 tầng, xây dựng sân+ vườn và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Văn an									2022	1.000	5.897.286	5.110.588	1.000							

	Đất trụ sở UBND phường	**3.549**	**1.774.500.000**	**3.549**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**													
7	Hội trường Văn An									2018	1.000	5.982.321	4.546.564	1.000								
8	Nhà để xe nhân viên và nhà kho bếp UBND phường Văn An									2021	180	160.161	128.113								180	
9	Trụ sở làm việc giai đoạn 1									2013	1.352	1.685.021	943.612	1.352								
10	Trụ sở làm việc giai đoạn 2									2014	2.650	4.944.945	2.966.967	2.650								
	Đất trường Trung học cơ sở Văn An	**9.000**	**6.000.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9.000**													
11	Nhà hiệu bộ 2 tầng THCS Văn An									2015	800	2.687.422	1.612.453	800								
12	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường Trung học cơ sở Văn An									2021	430	7.366.258	6.776.957	430								
	Đất trường Mầm Non Văn an	**3.500**	**3.000.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3.500**													
13	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm Non									2013	1.200	1.914.578	765.257	1.200								
	Nhà văn hóa Thôn Tường	**1.464**	**1.756.800.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.464**													
14	Nhà văn hóa KDC Tường									1996	130	160.000	0	130								
	Đất Nhà văn hóa Trại Sen	**1.762**	**2.114.400.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.762**													
15	Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư Trại Sen, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà văn hóa									2021	180	1.783.635	1.569.599	180								
16	Nhà Văn hóa KDC Trại Sen									1996	130	160.000	0	130								
	Đất nhà văn Hóa Kiệt Đông	**1.695**	**847.500.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.695**													
17	Nhà văn hóa Kiệt Đông									1996	130	160.000	0	130								
	Đất nhà văn Hóa KDC Kiệt Thượng	**1.980**	**990.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.980**													
18	Nhà Văn hóa KDC Kiệt Thượng									1996	130	160.000	0	130								

	Đất nhà văn hóa KDC Kiệt Đoài	**1.136**	**568.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.136**												
19	Nhà Văn hóa KDC Kiệt Đoài									1996	130	160.000	0	130							
	Đất nhà văn hóa KDC Kinh Trung	**442**	**221.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**442**												
20	Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư Kinh Trung, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà văn hóa									2021	180	1.457.484	1.282.586	180							
21	Nhà Văn hóa KDC Kinh Trung									1996	74	50.000	0	74							
	Đất nhà văn hóa KDC Núi Đã cũ	**1.055**	**527.500.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.055**												
22	Nhà văn hóa Núi Đã cũ									1996	59	50.000	0	59							
	Đất nhà văn hóa KDC Kỳ Đặc	**4.211**	**2.105.500.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4.211**												
23	Nhà văn hóa Kỳ Đặc									1996	130	160.000	0	130							
	Đất nhà văn hóa KDC Trại Mới cũ	**1.354**	**1.003.200.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.354**												
24	Nhà văn hóa Trại Mới cũ									1996	119	98.500	0	119							
	Đất nhà văn hóa KDC Trại Thượng	**2.912**	**5.824.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2.912**												
25	Nhà văn hóa KDC Trại Thượng									1996	130	160.000	0	130							
	Đất nhà văn hóa KDC Hữu Lộc	**1.172**	**1.406.400.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.172**												
26	Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư Hữu Lộc, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà văn hóa									2021	180	1.457.484	1.282.586	180							
27	Nhà văn hóa Hữu Lộc									1996	130	160.000	0	130							

, ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Nguyễn Hồng Nhung

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CHỦ TỊCH
ĐỖ ĐỨC PHU

Bộ, tỉnh:
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản:
Mã đơn vị:
Loại hình đơn vị:

Mẫu số: 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC
NĂM

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục dích sử dụng						
				Tổng cộng	Trong đó		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
II	**Tai san co dinh khac**													
1	Cục Đẩy	Hội trường UBND	1	25.000	25.000		12.500							X
2	Cục Đẩy	Hội trường UBND	1											X
3	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
4	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
5	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X

6	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
7	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
8	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
9	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
10	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
11	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
12	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
13	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
14	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
15	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
16	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
17	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
18	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X

19	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
20	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
21	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
22	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
23	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
24	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
25	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
26	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
27	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
28	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
29	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
30	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
31	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X

32	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
33	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
34	Ghế hội trường liền dãy	Hội trường UBND	1	44.990	44.990		33.743							X
35	Hệ thống loa truyền thanh	UBND phường Văn An	1	600.000	600.000		375.000							X
36	Loa BMV	Hội trường UBND	1	42.000	42.000		21.000							X
37	Loa hội trường	Hội trường UBND	1											X
38	Máy điều hòa	Phòng bí thư đảng ủy	1	11.000		11.000								X
39	Máy điều hòa	Phòng bí thư Đảng ủy	1											X
40	Máy điều hòa	Phòng phó chủ tịch HĐND	1											X
41	Máy điều hòa	Phòng phó chủ tịch TC	1											X
42	Mày điều hòa	Phòng chủ tịch UBND	1											X
43	Máy tăng âm TAT	Phòng đài truyền thanh	1											X
44	Máy tính bàn	Phòng đài truyền thanh	1											X

45	Máy vi tính	Phòng một cửa	1											X
46	Máy vi tính để bàn thương hiệu FPT ELEAD F321HD	UBND phường Văn An	1	12.925	12.925		7.755							X
47	Máy vi tính để bàn thương hiệu FPT ELEAD F551HD	UBND phường Văn An	1	14.905	14.905		8.943							X
48	Máy vi tính để bàn thương hiệu FPT ELEAD F551HD	UBND phường Văn An	1	14.905	14.905		8.943							X
49	Máy vi tính để bàn thương hiệu FPT ELEAD F551HD	UBND phường Văn An	1	14.905	14.905		8.943							X
50	Mua sắm và lắp đặt hệ thống camera tại trụ sở	UBND phường Văn An	1	98.900	98.900		74.175							X
51	Tủ đựng tài liệu	Phòng phó chủ tịch TC	1											X
52	Tủ đựng tài liệu	Phòng Hội MTTQ	1											X
53	Tủ đựng tài liệu	Phòng bí thư Đảng ủy	1											X
54	Tượng Bác	Hội trường UBND	1	10.000	10.000		5.000							X
55	Âm ly cơ động	Hội trường UBND	1											X
56	Bàn đại biểu dãy đầu	Hội trường UBND	1	10.395	10.395		7.796							X
57	Bàn đại biểu dãy đầu	Hội trường UBND	1	10.395	10.395		7.796							X

58	Bàn đại biểu dãy đầu	Hội trường UBND	1	10.395	10.395		7.796							X
59	Bàn đại biểu dãy đầu	Hội trường UBND	1	10.395	10.395		7.796							X
60	Bàn ghế bọc da	Phòng Hội MTTQ	1											X
61	Bàn ghế làm việc	Phòng phó chủ tịch TC	1											X
62	Bàn ghế tiếp khách	Phòng bí thư đảng ủy	1	15.000		15.000	375							X
63	Bàn làm việc	Phòng một cửa	1											X
64	Bàn làm việc	Phòng phó chủ tịch HĐND	1											X
65	Bàn làm việc	Phòng Hội MTTQ	1											X
66	Bộ bàn ghế làm việc	Phòng bí thư Đảng ủy	1											X
67	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	Phòng chủ tịch UBND	1											X
68	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng chủ tịch UBND	1											X
69	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng Đoàn thanh niên	1											X
70	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng bí thư Đảng ủy	1											X

71	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng phó chủ tịch HĐND	1											X
72	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng phó chủ tịch TC	1											X
73	Bộ bàn ghế uống nước	Phòng phó chủ tịch (Văn hóa)	1											X
74	Bục Phát Biểu	Hội trường UBND	1	13.000	13.000		6.500							X
75	Bục Tượng Bác	Hội trường UBND	1	15.000	15.000		7.500							X
76	Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước KDC Hữu Lộc, phường Văn An, đoạn từ nhà ông Tác đến cống ông Xuất	KDC Hữu Lộc	1	1.115.790	1.115.790		966.944							X
77	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa các KDC phường Văn An	UBND phường Văn An	1	1.054.363	1.054.363		843.385							X
78	Cải tạo nâng cấp nhà vệ sinh trường THCS Văn An	Trường THCS	1	119.207	119.207		55.598							X
79	Xây dựng mương tiêu thoát nước xung quanh 02 nhà trường tại KDC Kiệt Đoài	KDC Kiệt Đoài	1	920.430	920.430		690.323							X
80	Cải tạo nâng cấp sân và 02 phòng vệ sinh trường Mầm Non Văn An	Trường Mầm Non Văn An Khu 1	1	470.391	470.391		352.793							X
81	Cải tạo, sửa chữa nhà hiệu bộ trường tiểu học Văn An	Trường Tiểu Học	1	137.759	137.759		55.062							X
82	Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước KDC Trại Thượng,phường Văn An, TP Chí Linh	KDC Trại Thượng	1	448.376	448.376		336.282							X

83	Cải tạo khuôn viên trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND phường Văn An	UBND phường Văn An	1	5.686.981	5.686.981		4.169.694							X

, ngày 31. tháng 12. năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Nguyễn Hồng Nhung

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CHỦ TỊCH
ĐỖ ĐỨC PHU

Đơn vị cấp trên:
Tên đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản:UBND phường Văn An

Mẫu biểu 02: 02A-ĐK/TSNN

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC
NĂM: 2022

TT	Tài sản đang quản lý, sử dụng	Số lượng	Diện tích (m2)	Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại đến 31/12/2022(đồng)
				Tổng cộng	Trong đó:		
					Nguồn NSNN	Nguồn khác	
A	B	1	2	3	4	5	6
T28290023	**UBND phường Văn An**	**143**	**73.597,40**	**148.379.198.600**	**148.353.198.600**	**26.000.000**	**124.321.337.819**
1	**Đất**	**18**	**57.296,00**	**46.498.400.000**	**46.498.400.000**	**0**	**46.498.400.000**
	Đất trụ sở công an	1	1.975,00	2.000.000.000	2.000.000.000	0	2.000.000.000
	Đất nhà văn hóa KDC Kiệt Đoài	1	1.136,00	568.000.000	568.000.000	0	568.000.000
	Đất trụ sở UBND phường	1	3.549,00	1.774.500.000	1.774.500.000	0	1.774.500.000
	Nhà văn hóa Thôn Tường	1	1.464,00	1.756.800.000	1.756.800.000	0	1.756.800.000
	Đất trường Mầm Non Văn An cơ sở Trại Thượng	1	5.227,00	8.000.000.000	8.000.000.000	0	8.000.000.000
	Đất nhà văn hóa KDC Trại Thượng	1	2.912,00	5.824.000.000	5.824.000.000	0	5.824.000.000
	Sân vận động	1	5.862,00	2.359.600.000	2.359.600.000	0	2.359.600.000
	Đất nhà văn hóa KDC Núi Đã cũ	1	1.055,00	527.500.000	527.500.000	0	527.500.000
	Đất nhà văn hóa KDC Trại Mới cũ	1	1.354,00	1.003.200.000	1.003.200.000	0	1.003.200.000
	Đất nhà văn Hóa Kiệt Đông	1	1.695,00	847.500.000	847.500.000	0	847.500.000
	Đất nhà văn hóa KDC Kinh Trung	1	442,00	221.000.000	221.000.000	0	221.000.000
	Đất nhà văn Hóa KDC Kiệt Thượng	1	1.980,00	990.000.000	990.000.000	0	990.000.000

	Đất trường Mầm Non Văn an	1	3.500,00	3.000.000.000	3.000.000.000	0	3.000.000.000
	Đất nhà văn hóa KDC Kỳ Đặc	1	4.211,00	2.105.500.000	2.105.500.000	0	2.105.500.000
	Đất nhà văn hóa KDC Hữu Lộc	1	1.172,00	1.406.400.000	1.406.400.000	0	1.406.400.000
	Đất Nhà văn hóa Trại Sen	1	1.762,00	2.114.400.000	2.114.400.000	0	2.114.400.000
	Đất trường Trung học cơ sở Văn An	1	9.000,00	6.000.000.000	6.000.000.000	0	6.000.000.000
	Đất trường Tiểu học Văn an	1	9.000,00	6.000.000.000	6.000.000.000	0	6.000.000.000
2	**Nhà**	**29**	**14.701,40**	**58.902.856.000**	**58.902.856.000**	**0**	**47.792.436.415**
	Nhà văn hóa KDC Tường	1	130,00	160.000.000	160.000.000	0	0
	Nhà Văn hóa KDC Kinh Trung	1	74,00	50.000.000	50.000.000	0	0
	Trụ sở công an phường Văn An	1	324,00	5.121.869.000	5.121.869.000	0	4.916.994.240
	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường Trung học cơ sở Văn An	1	430,40	7.366.258.000	7.366.258.000	0	7.071.607.680
	Nhà văn hóa Kiệt Đông	1	130,00	160.000.000	160.000.000	0	0
	Nhà văn hóa KDC Trại Thượng	1	130,00	160.000.000	160.000.000	0	0
	Nhà văn hóa Trại Mới cũ	1	119,00	98.500.000	98.500.000	0	0
	Nhà Văn hóa KDC Kiệt Thượng	1	130,00	160.000.000	160.000.000	0	0
	Nhà văn hóa Kỳ Đặc	1	130,00	160.000.000	160.000.000	0	0
	Các hạng mục phụ trợ trụ sở công an phường Văn an	1	1.943,00	2.195.988.000	2.195.988.000	0	2.049.515.600
	Nhà Văn hóa KDC Kiệt Đoài	1	130,00	160.000.000	160.000.000	0	0
	Nhà văn hóa Núi Đã cũ	1	59,00	50.000.000	50.000.000	0	0
	Cải tạo nhà hiệu bộ 2 tầng, xây dựng sân+ vườn và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Văn an	1	1.000,00	5.897.286.000	5.897.286.000	0	5.503.937.024
	Nhà Văn hóa KDC Trại Sen	1	130,00	160.000.000	160.000.000	0	0
	Nhà văn hóa Hữu Lộc	1	130,00	160.000.000	160.000.000	0	0
	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm Non	1	1.200,00	1.914.578.000	1.914.578.000	0	892.959.176
	Nhà để xe nhân viên và nhà kho bếp UBND phường Văn An	1	180,00	160.161.000	160.161.000	0	138.795.522

	Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư Kinh Trung, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà văn hóa	1	180,00	1.457.484.000	1.457.484.000	0	1.340.885.280
	Trụ sở làm việc giai đoạn 2	1	2.650,00	4.944.945.000	4.944.945.000	0	3.164.764.800
	Nhà ăn bán trú và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Văn An	1	160,00	1.801.416.000	1.801.416.000	0	1.320.798.212
	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học Văn An	1	700,00	4.137.246.000	4.137.246.000	0	3.475.286.640
	Nhà văn hóa Hữu Lộc	1	130,00	0	0	0	0
	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường tiểu học Văn An	1	640,00	3.405.174.000	3.405.174.000	0	2.860.346.160
	Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư Trại Sen, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà văn hóa	1	180,00	1.783.635.000	1.783.635.000	0	1.640.944.200
	Hội trường Văn An	1	1.000,00	5.982.321.000	5.982.321.000	0	4.785.856.800
	Nhà hiệu bộ 2 tầng THCS Văn An	1	800,00	2.687.422.000	2.687.422.000	0	1.719.950.080
	Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư Hữu Lộc, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà văn hóa	1	180,00	1.457.484.000	1.457.484.000	0	1.340.885.280
	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu Học Văn An	1	360,00	5.426.068.000	5.426.068.000	0	4.557.897.120
	Trụ sở làm việc giai đoạn 1	1	1.352,00	1.685.021.000	1.685.021.000	0	1.011.012.600
4	**Tài sản khác**	**96**	**1.600,00**	**42.977.942.600**	**42.951.942.600**	**26.000.000**	**30.030.501.405**
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Bàn ghế bọc da	1	0,00	0	0	0	0
	Bộ bàn ghế uống nước	1	0,00	0	0	0	0
	Loa BMV	1	0,00	42.000.000	42.000.000	0	21.000.000
	Loa hội trường	1	0,00	0	0	0	0
	Mua sắm và lắp đặt hệ thống camera tại trụ sở	1	0,00	98.899.900	98.899.900	0	74.174.925
	Bộ bàn ghế tiếp khách	1	0,00	0	0	0	0

	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa các KDC phường Văn An	1	0,00	1.054.363.000	1.054.363.000	0	843.384.964
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Tủ đựng tài liệu	1	0,00	0	0	0	0
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Cải tạo nâng cấp trạm y tế	1	0,00	317.237.000	317.237.000	0	222.034.176
	Cải tạo nâng cấp sân và 02 phòng vệ sinh trường Mầm Non Văn An	1	0,00	470.391.000	470.391.000	0	352.793.250
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Cải tạo, nâng cấp cổng, tường rào và nhà kho bếp trạm y tế phường Văn An	1	0,00	221.573.000	221.573.000	0	184.636.781
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Máy điều hòa	1	0,00	0	0	0	0
	Bàn đại biểu dãy đầu	1	0,00	10.395.000	10.395.000	0	7.796.250
	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	1	0,00	0	0	0	0
	Cục Đẩy	1	0,00	25.000.000	25.000.000	0	12.500.000
	Bục Tượng Bác	1	0,00	15.000.000	15.000.000	0	7.500.000
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Bàn làm việc	1	0,00	0	0	0	0
	Máy tăng âm TAT	1	0,00	0	0	0	0
	Tủ đựng tài liệu	1	0,00	0	0	0	0
	Máy vi tính để bàn thương hiệu FPT ELEAD F551HD	1	0,00	14.905.000	14.905.000	0	8.943.000
	Cải tạo, sửa chữa nhà hiệu bộ trường tiểu học Văn An	1	0,00	137.759.000	137.759.000	0	55.062.275

	Cải tạo khuôn viên trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND phường Văn An	1	0,00	5.686.981.000	5.686.981.000	0	4.169.694.468
	Hạ tầng kỹ thuật KDC Trại Thượng	1	0,00	2.305.298.000	2.305.298.000	0	0
	Tủ đựng tài liệu	1	0,00	0	0	0	0
	Chỉnh trang đô thị đoạn Trại Sen-Hữu Lộc	1	0,00	2.064.813.000	2.064.813.000	0	1.445.162.619
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Máy vi tính để bàn thương hiệu FPT ELEAD F321HD	1	0,00	12.925.000	12.925.000	0	7.755.000
	Bộ bàn ghế tiếp khách	1	0,00	0	0	0	0
	Máy tính bàn	1	0,00	0	0	0	0
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Hạng mục phụ trợ chợ trại sen	1	0,00	94.988.000	94.988.000	0	0
	Bộ bàn ghế tiếp khách	1	0,00	0	0	0	0
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Cải tạo hệ thống truyền thanh hữu tuyến Phường Văn An	1	0,00	770.494.700	770.494.700	0	0
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Máy vi tính để bàn thương hiệu FPT ELEAD F551HD	1	0,00	14.905.000	14.905.000	0	8.943.000
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Máy điều hòa	1	0,00	11.000.000	0	11.000.000	0
	Bộ bàn ghế tiếp khách	1	0,00	0	0	0	0
	Xây dựng mương tiêu thoát nước xung quanh 02 nhà trường tại KDC Kiệt Đoài	1	0,00	920.430.000	920.430.000	0	690.322.500
	Máy vi tính để bàn thương hiệu FPT ELEAD F551HD	1	0,00	14.905.000	14.905.000	0	8.943.000
	Bàn đại biểu dãy đầu	1	0,00	10.395.000	10.395.000	0	7.796.250
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500

	Hạng mục phụ trợ Chợ Trại Sen(Tường + Trụ cổng)	1	0,00	94.988.000	94.988.000	0	66.482.100
	Tượng Bác	1	0,00	10.000.000	10.000.000	0	5.000.000
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Cục Đẩy	1	0,00	0	0	0	0
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Máy điều hòa	1	0,00	0	0	0	0
	Bàn ghế làm việc	1	0,00	0	0	0	0
	Bộ bàn ghế tiếp khách	1	0,00	0	0	0	0
	Cải tạo nâng cấp nhà vệ sinh trường THCS Văn An	1	0,00	119.207.000	119.207.000	0	55.598.144
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Máy vi tính	1	0,00	0	0	0	0
	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học trường tiểu học Văn An	1	0,00	323.069.000	323.069.000	0	269.213.398
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Hạ tầng Kỹ thuật KDC Trại Thượng	1	1.000,00	14.996.319.000	14.996.319.000	0	11.697.128.820
	Bàn đại biểu dãy đầu	1	0,00	10.395.000	10.395.000	0	7.796.250
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Mày điều hòa	1	0,00	0	0	0	0
	Chỉnh trang đô thị Quốc lộ 18 GĐ1	1	0,00	3.045.896.000	3.045.896.000	0	2.131.822.611
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Bàn làm việc	1	0,00	0	0	0	0
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Hạ tầng Kỹ thuật KDC Tường	1	600,00	5.903.712.000	5.903.712.000	0	4.604.895.360
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500

	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế Văn An	1	0,00	327.364.000	327.364.000	0	196.418.400
	Kênh T4 và kênh Đại thủy nông	1	0,00	190.094.000	190.094.000	0	95.047.000
	Bàn làm việc	1	0,00	0	0	0	0
	Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước KDC Trại Thượng,phường Văn An, TP Chí Linh	1	0,00	448.376.000	448.376.000	0	336.282.000
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Âm ly cơ động	1	0,00	0	0	0	0
	Bục Phát Biểu	1	0,00	13.000.000	13.000.000	0	6.500.000
	Hệ thống loa truyền thanh	1	0,00	600.000.000	600.000.000	0	375.000.000
	Máy điều hòa	1	0,00	0	0	0	0
	Bộ bàn ghế làm việc	1	0,00	0	0	0	0
	Ghế hội trường liền dãy	1	0,00	44.990.000	44.990.000	0	33.742.500
	Bàn đại biểu dãy đầu	1	0,00	10.395.000	10.395.000	0	7.796.250
	Bàn ghế tiếp khách	1	0,00	15.000.000	0	15.000.000	375.000
	Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước KDC Hữu Lộc, phường Văn An, đoạn từ nhà ông Tác đến cổng ông Xuất	1	0,00	1.115.790.000	1.115.790.000	0	966.943.614
	TỔNG CỘNG:	**143**	**73.597,40**	**148.379.198.600**	**148.353.198.600**	**26.000.000**	**124.321.337.819**

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hồng Nhung

....., ngày 31 tháng 12 năm 2020
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH
ĐỖ ĐỨC PHÚ

Bộ, ngành, tỉnh:
Tên đơn vị: UBND phường Văn An
Mã đơn vị: T28290023

Biểu số: 01C-ĐK/TSNN

BÁO CÁO TĂNG GIẢM TÀI SẢN NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG
Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
Chi tiết tài sản đến bậc : 6

ĐVT cho: Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông; Số lượng là: Cái, Khuôn viên; Giá trị là:Đồng

Tài sản	Mã số	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
Đất					**16**	**39.296,00**	**34.498.400.000**				**16**	**39.296,00**	**34.498.400.000**
Đất trụ sở					**2**	**5.524,00**	**3.774.500.000**				**2**	**5.524,00**	**3.774.500.000**
Đất trụ sở UBND phường					1	3.549,00	1.774.500.000				1	3.549,00	1.774.500.000
Đất trụ sở công an					1	1.975,00	2.000.000.000				1	1.975,00	2.000.000.000
Đất phục vụ hoạt động sự nghiệp					**14**	**33.772,00**	**30.723.900.000**				**14**	**33.772,00**	**30.723.900.000**
Đất công trình công cộng					**14**	**33.772,00**	**30.723.900.000**				**14**	**33.772,00**	**30.723.900.000**
Đất trường Mầm Non Văn An cơ sở Trại Thượng					1	5.227,00	8.000.000.000				1	5.227,00	8.000.000.000
Đất trường Mầm Non Văn an					1	3.500,00	3.000.000.000				1	3.500,00	3.000.000.000
Nhà văn hóa Thôn Tường					1	1.464,00	1.756.800.000				1	1.464,00	1.756.800.000
Đất Nhà văn hóa Trại Sen					1	1.762,00	2.114.400.000				1	1.762,00	2.114.400.000
Đất nhà văn Hóa Kiệt Đông					1	1.695,00	847.500.000				1	1.695,00	847.500.000
Đất nhà văn Hóa KDC Kiệt Thượng					1	1.980,00	990.000.000				1	1.980,00	990.000.000
Đất nhà văn hóa KDC Kiệt Đoài					1	1.136,00	568.000.000				1	1.136,00	568.000.000
Đất nhà văn hóa KDC Kinh Trung					1	442,00	221.000.000				1	442,00	221.000.000
Đất nhà văn hóa KDC Núi Đã cũ					1	1.055,00	527.500.000				1	1.055,00	527.500.000
Đất nhà văn hóa KDC Kỳ Đặc					1	4.211,00	2.105.500.000				1	4.211,00	2.105.500.000
Đất nhà văn hóa KDC Trại Mới cũ					1	1.354,00	1.003.200.000				1	1.354,00	1.003.200.000

Đất nhà văn hóa KDC Trại Thượng					1	2.912,00	5.824.000.000				1	2.912,00	5.824.000.000
Đất nhà văn hóa KDC Hữu Lộc					1	1.172,00	1.406.400.000				1	1.172,00	1.406.400.000
Sân vận động					1	5.862,00	2.359.600.000				1	5.862,00	2.359.600.000
Nhà		**13**	**9.582,00**	**36.842.955.000**	**15**	**4.989,40**	**22.059.901.000**				**28**	**14.571,40**	**58.902.856.000**
Nhà cấp III		**10**	**8.042,00**	**32.966.800.000**	**2**	**754,40**	**12.488.127.000**				**12**	**8.796,40**	**45.454.927.000**
Hội trường Văn An		1	1.000,00	5.982.321.000							1	1.000,00	5.982.321.000
Nhà hiệu bộ 2 tầng THCS Văn An		1	800,00	2.687.422.000							1	800,00	2.687.422.000
Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường tiểu học Văn An		1	640,00	3.405.174.000							1	640,00	3.405.174.000
Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu Học Văn An		1	360,00	5.426.068.000							1	360,00	5.426.068.000
Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học Văn An		1	700,00	4.137.246.000							1	700,00	4.137.246.000
Trụ sở làm việc giai đoạn 1		1	1.352,00	1.685.021.000							1	1.352,00	1.685.021.000
Trụ sở làm việc giai đoạn 2		1	2.650,00	4.944.945.000							1	2.650,00	4.944.945.000
Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư Hữu Lộc, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà văn hóa		1	180,00	1.457.484.000							1	180,00	1.457.484.000
Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư Kinh Trung, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà văn hóa		1	180,00	1.457.484.000							1	180,00	1.457.484.000
Xây dựng nhà văn hóa khu dân cư Trại Sen, phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà văn hóa		1	180,00	1.783.635.000							1	180,00	1.783.635.000
Trụ sở công an phường Văn An					1	324,00	5.121.869.000				1	324,00	5.121.869.000
Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường Trung học cơ sở Văn An					1	430,40	7.366.258.000				1	430,40	7.366.258.000
Nhà cấp IV		**3**	**1.540,00**	**3.876.155.000**	**13**	**4.235,00**	**9.571.774.000**				**16**	**5.775,00**	**13.447.929.000**
Các hạng mục phụ trợ trụ sở công an phường Văn an					1	1.943,00	2.195.988.000				1	1.943,00	2.195.988.000
Nhà ăn bán trú và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Văn An		1	160,00	1.801.416.000							1	160,00	1.801.416.000
Nhà để xe nhân viên và nhà kho bếp UBND phường Văn An		1	180,00	160.161.000							1	180,00	160.161.000
Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm Non		1	1.200,00	1.914.578.000							1	1.200,00	1.914.578.000
Cải tạo nhà hiệu bộ 2 tầng, xây dựng sân+ vườn và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Văn an					1	1.000,00	5.897.286.000				1	1.000,00	5.897.286.000
Nhà văn hóa Kỳ Đặc					1	130,00	160.000.000				1	130,00	160.000.000
Nhà văn hóa KDC Trại Thượng					1	130,00	160.000.000				1	130,00	160.000.000
Nhà Văn hóa KDC Kiệt Đoài					1	130,00	160.000.000				1	130,00	160.000.000

Nhà Văn hóa KDC Kiệt Thượng					1	130,00	160.000.000				1	130,00	160.000.000
Nhà Văn hóa KDC Trại Sen					1	130,00	160.000.000				1	130,00	160.000.000
Nhà văn hóa KDC Tường					1	130,00	160.000.000				1	130,00	160.000.000
Nhà văn hóa Kiệt Đông					1	130,00	160.000.000				1	130,00	160.000.000
Nhà văn hóa Hữu Lộc					1	130,00	160.000.000				1	130,00	160.000.000
Nhà văn hóa Núi Đã cũ					1	59,00	50.000.000				1	59,00	50.000.000
Nhà văn hóa Trại Mới cũ					1	119,00	98.500.000				1	119,00	98.500.000
Nhà Văn hóa KDC Kinh Trung					1	74,00	50.000.000				1	74,00	50.000.000
Vật kiến trúc		**78**	**1.600,00**	**102.619.446.700**				**65**		**71.963.601.000**	**13**	**1.600,00**	**30.655.845.700**
Các vật kiến trúc khác		**78**	**1.600,00**	**102.619.446.700**				**65**		**71.963.601.000**	**13**	**1.600,00**	**30.655.845.700**
Cải tạo hệ thống truyền thanh hữu tuyến Phường Văn An		1		770.494.700							1		770.494.700
Cải tạo nâng cấp trạm y tế		1		317.237.000							1		317.237.000
Cải tạo, nâng cấp cổng, tường rào và nhà kho bếp trạm y tế phường Văn An		1		221.573.000							1		221.573.000
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kiệt Đoài, phường Văn An đoạn từ đường WB2 điện đến nhà Kiệt Thương		1		528.494.000				1		528.494.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kiệt Đoài, phường Văn An. Đoạn từ trạm điện đến nhà ông Sắc		1		349.031.000				1		349.031.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kiệt Đoài, Phường Văn An. Tuyến đường nhà bà Quyết		1		659.833.000				1		659.833.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kiệt Đoài, Phường Văn An. Tuyến đường Thành Hoàng		1		134.918.000				1		134.918.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kiệt Đoài, phường Văn An. Tuyến từ nhà bà Loan đến nhà anh Đoàn		1		657.518.000				1		657.518.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kiệt Đông, tuyến đường phía tây KDC		1		326.270.000				1		326.270.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kiệt Đông, tuyến đường trục chính		1		420.817.000				1		420.817.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kiệt Đông, tuyến đường trục phía Đông Bắc		1		233.805.000				1		233.805.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kiệt Thượng, tuyến kênh T4		1		449.117.000				1		449.117.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kinh Trung, tuyến đường xóm trong		1		422.698.000				1		422.698.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kinh Trung, tuyến xóm Trại		1		501.954.000				1		501.954.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kinh Trung, tuyến xóm Trại 2		1		211.349.000				1		211.349.000			

Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kinh Trung, tuyến xóm Văn Hóa		1		490.066.000				1		490.066.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kỳ Đặc, tuyến Nam Sông Tiêu		1		226.351.000				1		226.351.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Kỳ Đặc, tuyến xóm Từ Đường		1		435.931.000				1		435.931.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Sen, Phường Văn An. Tuyến từ nhà ông Đà đến điểm giao với đường vào đền thầy giáo Chu Văn An		1		616.084.000				1		616.084.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Sen, Phường Văn An. Tuyến từ nhà ông Đáp đến nhà ông Liệt		1		603.657.000				1		603.657.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Sen, Phường Văn An. Tuyến đường nhánh khu vực ngoài đường sắt (3 đoạn)		1		584.454.000				1		584.454.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Sen, Phường Văn An. Tuyến đường trục liên KDC Trại Sen - Tường		1		444.892.000				1		444.892.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Sen, Phường Văn An. Tuyến đường trục phía Tây KDC		1		610.829.000				1		610.829.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Sen, Phường Văn An. Tuyến đường trục xóm Tháp, từ nhà ông Dạn tới nhà ông Bộ		1		634.735.000				1		634.735.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Sen, Phường Văn An. Tuyến đường trục xóm Tháp, từ nhà ông Động tới đường vào đền thầy giáo Chu Văn An		1		310.765.000				1		310.765.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Sen, phường Văn An. Tuyến từ nhà ông Thành đến nhà ông Kiền		1		317.701.000				1		317.701.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Thượng, Phường Văn An. Tuyến đường trục xóm Chùa		1		169.426.000				1		169.426.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Thượng, Phường Văn An. Tuyến đường trục liên xóm Đông - Tây		1		391.469.000				1		391.469.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Thượng, Phường Văn An. Tuyến đường trục xóm Chẽ Vàng. Từ đầu đường trục chính phía Tây tới nhà ông Chiến		1		553.439.000				1		553.439.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Thượng, Phường Văn An. Tuyến đường trục xóm Chẽ Vàng. Từ nhà ông Chiến tới nhà Hữu Lộc		1		385.480.000				1		385.480.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Thượng, Phường Văn An. Tuyến từ đường trục chính KDC tới nhà ông Đáng		1		295.534.000				1		295.534.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Thượng, Phường Văn An. Tuyến từ Ngã 3 nhà ông đáng tới nhà ông Chiến		1		402.382.000				1		402.382.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Thượng, Phường Văn An. Tuyến từ Ngã 3 nhà ông Liệu đến nhà ông Sự		1		463.860.000				1		463.860.000			

Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Thượng, Phường Văn An. Tuyến từ QL18 tới Ngã 3 nhà ông Thụ		1		260.080.000				1		260.080.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Trại Thượng, Phường Văn An. Tuyến từ nhà ông Ánh đến nhà ông Lịch		1		478.871.000				1		478.871.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Tường, Phường Văn An. Tuyến đường trục khu vực Phượng Đình, từ điểm giao với đường trục chính tới nhà ông Sơn		1		359.781.000				1		359.781.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Tường, Phường Văn An. Tuyến đường trục khu vực Phượng Đình, từ nhà ông Oanh tới nhà ông Dương		1		334.082.000				1		334.082.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Tường, Phường Văn An. Tuyến đường trục liên KDC Tường - Trại Sen		1		513.973.000				1		513.973.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Tường, Phường Văn An. Tuyến đường trục xóm Tên Lửa		1		469.262.000				1		469.262.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Tường, phường Văn An. Tuyến từ đường tàu đến nhà ông Tuyến		1		315.109.000				1		315.109.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Tường, phường Văn An. Tuyến từ nhà nhà văn hóa đến nhà ông Mẫn		1		282.057.000				1		282.057.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Tường, phường Văn An. Tuyến từ nhà ông Thạch đến nhà ông Tiến		1		706.807.000				1		706.807.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Tường, phường Văn An. Tuyến từ nhà ông Thụ đến nhà ông Sơn		1		255.267.000				1		255.267.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông KDC Tường, phường Văn An. Tuyến từ nhà ông Thức đến nhà ông Liết		1		600.992.000				1		600.992.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Kiệt Thượng, Trại Thượng		1		1.463.762.000				1		1.463.762.000			
Cải tạo, nâng cấp đường GT KDC Hữu Lộc (Trục chính bên Đông)		1		2.167.589.000				1		2.167.589.000			
Cải tạo, nâng cấp đường GT KDC Hữu Lộc (Trục chính bên Tây)		1		1.231.263.000				1		1.231.263.000			
Cải tạo, nâng cấp đường GT KDC Kiệt Đông (Trục bao quanh núi)		1		824.347.000				1		824.347.000			
Cải tạo, nâng cấp đường GT KDC Kiệt Đông (Trục phía Đông)		1		248.592.000				1		248.592.000			
Cải tạo, nâng cấp đường GT KDC Kiệt Thượng (Đoạn từ xóm trại , xóm đông đến đê sông Kinh Thầy)		1		1.248.307.000				1		1.248.307.000			
Cải tạo, nâng cấp đường GT KDC Kinh Trung		1		3.249.321.000				1		3.249.321.000			
Cải tạo, nâng cấp đường GT KDC Kỳ		1		1.386.265.000				1		1.386.265.000			
Cải tạo, nâng cấp đường GT KDC Trại Sen		1		5.017.555.000				1		5.017.555.000			

Cải tạo, nâng cấp đường GT Kiệt Đoài, Kiệt Đông		1		5.079.039.000				1		5.079.039.000			
Cải tạo, nâng cấp đường GT Kỳ Đặc		1		6.872.220.000				1		6.872.220.000			
Cải tạo, nâng cấp đường GT Kỳ Đặc, Kiệt Thượng		1		4.344.077.000				1		4.344.077.000			
Cải tạo, nâng cấp đường GT ra đồng phường Văn An		1		3.275.992.000				1		3.275.992.000			
Cải tạo, nâng cấp đường GT Trại Sen- Kiệt Đoài		1		14.994.761.000				1		14.994.761.000			
Cải tạo, nâng cấp đường trục phường		1		405.264.000				1		405.264.000			
Cải tạo, nâng cấp KDC Hữu Lộc, tuyến từ đường trục chính KDC đến nhà ông Tuân		1		244.027.000				1		244.027.000			
Cải tạo, nâng cấp KDC Hữu Lộc, tuyến từ nhà ông Đọc đến nhà ông Khiêm		1		217.918.000				1		217.918.000			
Cải tạo, nâng cấp KDC Hữu Lộc, tuyến từ nhà ông Thắng đến đường sắt		1		356.896.000				1		356.896.000			
Cải tạo, nâng cấp KDC Kỳ Đặc, tuyến từ đường trục KDC đến nhà bà Ngừng		1		306.056.000				1		306.056.000			
Cải tạo, nâng cấp KDC Kỳ Đặc, tuyến từ đường trục KDC đến nhà ông Loan		1		283.924.000				1		283.924.000			
Cải tạo, nâng cấp KDC Kỳ Đặc, tuyến từ đường trục KDC đến nhà ông Yên		1		206.378.000				1		206.378.000			
Cải tạo, nâng cấp KDC Kỳ Đặc, tuyến từ Nghè đến nhà ông Hoạt		1		203.518.000				1		203.518.000			
Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học trường tiểu học Văn An		1		323.069.000							1		323.069.000
Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế Văn An		1		327.364.000							1		327.364.000
Chỉnh trang đô thị đoạn Trại Sen- Hữu Lộc		1		2.064.813.000							1		2.064.813.000
Chỉnh trang đô thị Quốc lộ 18 GĐ1		1		3.045.896.000							1		3.045.896.000
GT KDC Kiệt Đông trục phía Nam		1		385.124.000				1		385.124.000			
GT KDC Kiệt Đông trục phía tây Bắc		1		542.266.000				1		542.266.000			
Hạ tầng Kỹ thuật KDC Trại Thượng		1	1.000,00	14.996.319.000							1	1.000,00	14.996.319.000
Hạ tầng kỹ thuật KDC Trại Thượng		1		2.305.298.000							1		2.305.298.000
Hạ tầng Kỹ thuật KDC Tường		1	600,00	5.903.712.000							1	600,00	5.903.712.000
Hạng mục phụ trợ chợ trại sen		1		94.988.000							1		94.988.000
Hạng mục phụ trợ Chợ Trại Sen(Tường + Trụ cổng)		1		94.988.000							1		94.988.000
Kênh T4 và kênh Đại thủy nông		1		190.094.000							1		190.094.000
Máy móc, thiết bị		**53**		**2.330.799.900**							**53**		**2.330.799.900**

Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến		**6**		**83.640.000**							**6**		**83.640.000**
Máy vi tính để bàn		**4**		**57.640.000**							**4**		**57.640.000**
Máy vi tính để bàn thương hiệu FPT ELEAD F321HD		1		12.925.000							1		12.925.000
Máy vi tính để bàn thương hiệu FPT ELEAD F551HD		1		14.905.000							1		14.905.000
Máy vi tính để bàn thương hiệu FPT ELEAD F551HD		1		14.905.000							1		14.905.000
Máy vi tính để bàn thương hiệu FPT ELEAD F551HD		1		14.905.000							1		14.905.000
Bộ bàn ghế tiếp khách		**1**		**15.000.000**							**1**		**15.000.000**
Bàn ghế tiếp khách		1		15.000.000							1		15.000.000
Máy điều hòa không khí		**1**		**11.000.000**							**1**		**11.000.000**
Máy điều hòa		1		11.000.000							1		11.000.000
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị		**44**		**1.580.159.900**							**44**		**1.580.159.900**
Máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị		**44**		**1.580.159.900**							**44**		**1.580.159.900**
Thiết bị âm thanh		**4**									**4**		
Âm ly cơ động		1									1		
Cục Đẩy		1									1		
Loa hội trường		1									1		
Máy tăng âm TAT		1									1		
Camera giám sát		**1**		**98.899.900**							**1**		**98.899.900**
Mua sắm và lắp đặt hệ thống camera tại trụ sở		1		98.899.900							1		98.899.900
Bàn ghế hội trường		**36**		**1.481.260.000**							**36**		**1.481.260.000**
Bàn đại biểu dãy đầu		1		10.395.000							1		10.395.000
Bàn đại biểu dãy đầu		1		10.395.000							1		10.395.000
Bàn đại biểu dãy đầu		1		10.395.000							1		10.395.000
Bàn đại biểu dãy đầu		1		10.395.000							1		10.395.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000

Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Ghế hội trường liền dãy		1		44.990.000							1		44.990.000
Tủ, giá kệ đựng tài liệu hoặc trưng bày hiện vật		**3**									**3**		

Tủ đựng tài liệu		1									1		
Tủ đựng tài liệu		1									1		
Tủ đựng tài liệu		1									1		
Máy móc, thiết bị khác		**3**		**667.000.000**							**3**		**667.000.000**
Cục Đẩy		1		25.000.000							1		25.000.000
Hệ thống loa truyền thanh		1		600.000.000							1		600.000.000
Loa BMV		1		42.000.000							1		42.000.000
Tài sản cố định hữu hình khác		**3**		**38.000.000**							**3**		**38.000.000**
Bục Phát Biểu		1		13.000.000							1		13.000.000
Bục Tượng Bác		1		15.000.000							1		15.000.000
Tượng Bác		1		10.000.000							1		10.000.000
Tài sản theo quy định riêng của tỉnh		**19**									**19**		
Máy tính bàn		1									1		
Máy vi tính		1									1		
Bàn ghế làm việc		1									1		
Bàn làm việc		1									1		
Bàn làm việc		1									1		
Bàn làm việc		1									1		
Bộ bàn ghế làm việc		1									1		
Bộ bàn ghế ngồi làm việc		1									1		
Bàn ghế bọc da		1									1		
Bộ bàn ghế tiếp khách		1									1		
Bộ bàn ghế tiếp khách		1									1		
Bộ bàn ghế tiếp khách		1									1		
Bộ bàn ghế tiếp khách		1									1		
Bộ bàn ghế tiếp khách		1									1		
Bộ bàn ghế uống nước		1									1		
Máy điều hòa		1									1		
Máy điều hòa		1									1		
Máy điều hòa		1									1		

Máy điều hòa		1									1		
Tổng cộng		**166**	**11.182,00**	**141.831.201.600**	**31**	**44.285,40**	**56.558.301.000**	**65**		**71.963.601.000**	**132**	**55.467,40**	**126.425.901.600**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỦ TỊCH

ĐỖ ĐỨC PHU